|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD – ĐT BẮC NINH**  **Trường: THPT Quế Võ số 2** | **ÔN TẬP THPT QUỐC GIA 2023**  **CHUYÊN ĐỀ SỐ 8**  **Môn: Ngữ văn** |

Dạy học Văn là một công việc khó khăn và nhiều thách thức với cả người dạy lẫn người học. Đặc biệt, qua việc chấm Văn qua các kì thi, tôi nhận thấy việc cản trở các em học sinh (nhất là học sinh trung bình, yếu) khó được điểm cao trong bài văn Nghị luận văn học là khả năng sử dụng thao tác so sánh để liên hệ, mở rộng còn khá yếu. Học sinh chưa biết cách so sánh, liên hệ giữa các bài học/ đối tượng cùng chủ đề, giữa các chi tiết có sự tương đồng hay khác biệt, giữa các hình ảnh có liên quan…nhằm đánh thức kiến thức cũ và khơi gợi kiến thức mới nhằm làm bài văn nghị luận trở nên rõ ràng, sâu sắc hơn.

Chuyên đề “Vận dụng thao tác so sánh ở phần liên hệ, mở rộng trong bài nghị luận văn học” sẽ góp phần khắc phục phần nào những tồn tại trong việc học và làm văn, nâng cao chất lượng bài làm, giúp học sinh gia tăng số điểm trong phần nghị luận văn học.

1. **LÝ THUYẾT**
   1. **Thao tác lập luận so sánh**
      1. Khái niệm: Thao tác lập luận so sánh được hiểu là việc đối chiếu hai sự vật, hiện tượng. Việc làm này giúp ta thấy rõ sự giống và khác nhau giữa hai sự vật, hiện tượng ấy.
      2. **Yêu cầu, mục đích:**

- Trong tư duy, trong tu từ hay trong lập luận, so sánh là hoạt động được con người thực hiện theo cơ chế xác lập được hai hoặc nhiều yếu tố, nhiều đối tượng có sự tương đồng về giá trị, đặc điểm để có cơ sở đối chiếu một cách phù hợp, tương xứng và qua sự đối chiếu đó, con người có thể hiểu và nắm chắc đối tượng.

- Khi thực hiện so sánh, dù ở các hoạt động khác nhau song cả ba hình thức đều có sự tương đồng với nhau ở chỗ chúng đều được thực hiện giữa cái so sánh và cái được so sánh, và qua sự đối chiếu mà dẫn dắt người tiếp nhận nhận ra đặc trưng cơ bản của cái so sánh, giúp người tiếp nhận có thể nhận thức một cách đầy đủ, rõ ràng về cái cần nhận thức. Để tạo ra cơ chế so sánh, một trong những yêu cầu bắt buộc chính là cái so sánh và cái được so sánh phải có sự **tương đồng với nhau về một mặt, một phương diện nào đó**. Tuy nhiên, ở các mục đích khác nhau, so sánh trên ba phương diện lại có sự khác nha. Nếu như so sánh tư duy là cách đối chiếu hai sự vật tương đồng nhằm nêu ra một đặc trưng nào đó của đối tượng được xem xét, so sánh trong tu từ hướng tới mục đích là tạo dựng những hình tượng nghệ thuật, giúp cho người đọc có thể thì **so sánh với tư cách là một thao tác lập luận lại là con đường dẫn dắt người đọc đến với một nhận định, một chân lý nào đó.**

VD: “ Thần Hê-ra-clet của Hi Lạp, chủ yếu là bắp thịt rắn chắc, có tài chiến đấu, nhưng mục tiêu chiến đấu là gì thì bất cần, tâm địa thần tầm thường. Trong truyện Thánh Gióng Việt Nam không thấy nói đến bắp thịt rắn chắc mà nói đến đức tính trước hết. Đức tính nào cũng cao cả, hình tượng nào cũng phơi phới. Thần anh hùng của ta trí dũng kiêm toàn, đạo đức không gợi một hạt bụi, mọi ý nghĩ và hành động đều tập trung vào một việc, mà việc ấy là việc cứu nước.” (Truyện Thánh Gióng –Nguyễn Đổng Chi)

+ Mục đích so sánh: đánh giá về vẻ đẹp của Thánh Gióng- một vị thần anh hùng, bất tử trong truyện cổ dân gian Việt Nam. Để làm nổi bật lên vẻ đẹp của Phù Đổng Thiên Vương và hướng tới mục đích là chứng minh tư tưởng thương nòi yêu nước của nhân dân ta

+ Phương pháp so sánh: đối chiếu giữa hai hình ảnh có sự tương đồng với nhau- hình ảnh hai vị thần trong truyện dân gian Việt Nam và trong thần thoại Hy Lạp 🡪 lần lượt chỉ ra những nét khác biệt giữa hai vị thần trong các tác phẩm thần thoại lần lượt theo các cấp độ khác nhau

. Trong thần thoại Hy lạp, Hê- ra-clét là vị thần có vẻ đẹp. Vẻ đẹp ấy được thể hiện ở bắp thịt rắn chắc nhưng vị thần của ta không được tập trung miêu tả về mặt hình thể.

. Thần Hê- ra-clét có tài chiến đấu, Thánh Gióng của ta cũng một mình đánh đuổi lũ giặc Ân xâm lược. Thế nhưng cái tài chiến đấu của Hê- ra-clét lại không phân định rõ mục tiêu, tâm địa tầm thường. Còn trong truyện Thánh Gióng, đức Phù Đổng Thiên Vương của ta đẹp không phải ở hình thể mà đẹp bởi đức tính. Đấy là một vị thần trí dũng kiêm toàn, đạo đức không gợn một hạt bụi, mọi ý nghĩ và hành động đều tập trung vào việc cứu dân cứu nước.

🡺 Như vậy từ việc so sánh hình ảnh hai vị thần trong truyện thần thần thoại, tác giả Nguyễn Đổng Chi đã nêu ra những nét đối lập trong vẻ đẹp của hai nhân vật để rồi chứng minh cho vẻ đẹp bất diệt của đức Phù Đổng Thiên Vương- vẻ đẹp ấy toả sáng lung linh, huyền ảo với nhiều ý nghĩa mới mẻ sâu xa. Thánh Gióng- hình ảnh một vị thần đẹp người, đẹp nết, trí dũng kiêm toàn, sống và làm việc vì nghĩa lớn nhưng lại rất bình dị, khiêm nhường. Câu kết của đoạn trích chính là kết quả được rút ra từ hoạt động so sánh trước đó. Nhờ có so sánh, ta có thể hiểu đúng hơn vẻ đẹp của Thánh Gióng- đó là vẻ đẹp được nhận thấy từ chiều sâu tâm hồn, từ những hành động, việc làm cũng như tinh thần của ngài. Vẻ đẹp ấy không toát ra từ cơ bắp, thân hình mà đó là cái đẹp hài hòa trong nhân cách, trong đạo đức của con người.

* + 1. **Phân loại**

- So sánh tương đồng: so sánh nhờ các yếu tố ngôn ngữ, các hiện tượng, các hình ảnh, hiện tượng, sự việc có những đặc điểm, ý nghĩa, hay bình diện tương đồng với nhau, và qua đó đưa ra những nhận định, những đánh giá về sự giống nhau cũng như giá trị của chúng trong đời sống, trong thực tế hay trong văn học.

VD: *Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú mới nhìn thất, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy.*

*(Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc*, Phạm Văn Đồng)

+ Chủ đề so sánh: giá trị thơ văn Nguyễn Đình Chiểu

+ Mục đích so sánh: khẳng định giá trị thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

+ Phương pháp: mượn hình ảnh các vì sao trên bầu trời với các đặc trưng: khác thường, phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng.

🡪 Và chính những đặc trưng ấy cũng có những điểm tương đồng với những biểu hiện của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc.

- So sánh tương phản: bắt đầu từ việc người viết chọn những yếu tố, những chi tiết, những hình ảnh có sự đối lập nhau về hình thức hay nội dung, ý nghĩa để từ đó chỉ ra những nét riêng, khác biệt của vấn đề được bàn luận.

Vd: “Yêu người, đó là một truyền thống cũ. “ Chinh phụ ngâm”, “ Cung oán ngâm khúc”, đã nói đến con người. Nhưng dù sao cũng là mới bàn đến một hạng người. Với “ Kiều’’, Nguyễn Du đã nói đến cả xã hội người. Với “Chiêu hồn” thì cả loài người được bàn đến [...].“ Chiêu hồn”, con người trong cái chết. “Chiêu hồn”, con người trong từng giới, từng loài, “ mười loài là những loài nào” với những nét cộng đồng phổ biến, điển hình của từng loài một’’. [...]  
Tôi muốn nói đến bài văn “ Chiêu hồn”, một tác phẩm có một không hai trong nền văn học chúng ta. (Nghĩ mà xem, trước “Chiêu hồn” chưa hề có bài văn nào đem cái “ run rẩy mới” ấy vào văn học. Sau “Chiêu hồn”, lại càng không.) Nếu “Truyện Kiều” nâng cao lịch sử thơ ca, thì “ Chiêu hồn” đã mở rộng địa dư của nó qua một vùng xưa nay ít ai động tới: cõi chết.’’

+ Chủ đề so sánh: lòng yêu người - một truyền thống trong văn thơ dân tộc

+ Mục đích: nhận định về giá trị rất riêng của tác phẩm ‘‘Văn chiêu hồn’’

+ Phương pháp: đánh giá biểu hiện và giá trị của truyền thống ấy trong các tác phẩm cụ thể, đi sâu xem xét cách biểu hiện của lòng yêu người trong một số tác phẩm.

* 1. **Các kiểu dạng liên hệ, mở rộng trong nghị luận văn học**

**1.2.1. Liên hệ, mở rộng qua nhận định về tác giả, tác phẩm văn học**

VD1: Khi nhận xét về sự độc đáo trong ngôn ngữ Nguyễn Tuân, người viết có thể liên hệ với nhận định của Phan Huy Đông:

*Từ ngữ phong phú, sống động, giàu giá trị tạo hình và có sức gợi cảm cao, nhịp văn chậm rãi, trữ tình, mênh mang dư vị của hương nguồn hoa núi, mà nói như Phan Huy Đông thì đó là “****sự tự do của một tài năng, một đấng hóa công thực sự trong nghệ thuật ngôn từ****”.*

VD2: Nhận định về một khía cạnh của giá trị nhân đạo trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ, một bài viết đã liên hệ:

***“Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp”.*** *(Ai ma tôp). Nhà văn Tô Hoài quả thực đã làm được điều đó khi thể hiện sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị. Những tưởng Mị sẽ cam chịu, chấp nhận kiếp sống ấy cho đến chết nhưng bằng một trái tim đầy yêu thương nhà văn Tô Hoài đã khám phá phát hiện ra đằng sau sự cam chịu, chấp nhận ấy của Mị là sức sống tiềm tàng mãnh liệt. Và chính sức sống tiềm ẩn bên trong một khi sống dậy thì rất mãnh liệt ấy đã giúp Mị từng bước tháo cũi sổ lồng, tìm được hạnh phúc cho cuộc đời mình.*

**1.2.2. Liên hệ, mở rộng qua các chi tiết nghệ thuật (thơ/ văn xuôi)**

- Yêu cầu cần thiết của kiểu liên hệ, mở rộng này là giữa các đối tượng phải cùng đề tài và có các đặc điểm giống nhau hoặc khác nhau (tương đồng và tương phản).

VD1: Khi phân tích câu thơ *“Heo hút cồn mây súng ngửi trời*” ta thấy được tư thế ngạo nghễ hiên ngang của người lính giữa lồng lộng đất trời. Tư thế ấy gợi chúng ta liên tưởng đến hình ảnh anh vệ quốc quân trong thơ Tố Hữu

*“Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều*

*Bòng dài trên đỉnh núi cheo leo*

*Núi không đè nổi vai vươn tới*

*Lá nguỵ trang reo với gió đèo”*

VD2: Phân tích sự hiểm trở, dữ dội của thiên nhiên qua hình ảnh *“Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống”*, chúng ta có thể liên hệ đến hình ảnh thác nước chảy đứng trong thơ Lí Bạch:

*“Phi thiên trực há tam thiên xích”*

(Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước)

VD3 : Phân tích sự hoang sơ, bí hiểm của chốn “sơn cùng thuỷ tận” trong câu thơ *“Chiều chiều oai linh thác gầm thét/ Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người”* ta có thể liên hệ đến câu thơ:

*“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”*

(“Nhớ rừng” – Thế Lữ)

VD4: Khi phân tích nỗi nhớ trong tình yêu qua bài thơ Sóng – Xuân Quỳnh, ta có thể liên hệ nỗi nhớ trong các tác phẩm dân gian và các tác phẩm viết:

*- Anh nhớ tiếng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh*

*Anh nhớ em, anh nhớ lắm, em ơi*

(Tương tư chiều - Xuân Diệu)

*- Nhớ ai bổi hổi bồi hồi*

*Như đứng đống lửa như ngồi đống than.*

(Ca dao)

*- Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*

*Một người chín nhớ mười mong một người*

(Tương tư – Nguyễn Bính)

* 1. **Hướng dẫn học sinh sử dụng thao tác so sánh trong liên hệ, mở rộng**
     1. **Những lưu ý chung**

- Trong văn bản nghị luận, so sánh là thao tác người viết sử dụng nhằm làm rõ ý nghĩa, giá trị của đối tượng được bàn luận. Muốn thuyết phục được người đọc tin và nghe theo những điều đã trình bày trong văn bản, người viết đã tìm các yếu tố, hiện tượng có hình thức hoặc đặc điểm tương xứng với nhau và từ việc nêu ra những đặc trưng, ý nghĩa hay giá trị của từng yếu tố mà người viết nêu ra được những nhận định, những đánh giá, những chân lý mang tính phổ quát. Sử dụng thao tác lập luận này, người viết không chỉ dẫn dắt người đọc đến với những kết luận khoa học, chính xác mà còn giúp cho lời văn trong văn bản sinh động, hấp dẫn, nhiều hình ảnh. Đó cũng là cách mà người viết tạo sức thuyết phục đối với độc giả.

- Để sử dụng thao tác so sánh trong liên hệ, mở rộng hiệu quả, người học cần phải trang bị các yếu tố sau:

+ Kiến thức phong phú, đa dạng về tác giả, tác phẩm văn học phân theo thời kì văn học, đề tài và thể loại văn học.

+ Nắm chắc nguyên tắc, kĩ năng so sánh (trong phần trên) giúp nhận thức nhanh chóng đặc điểm nổi bật của đối tượng và cùng lúc hiểu biết được hai hay nhiều đối tượng.

- Trong thực tế, thao tác so sánh được là một trong các thao tác lập luận được sử dụng trong hầu hết các bài nghị luận xã hội. Để bài viết sâu sắc hơn và giúp người đọc có cái nhìn đa diện trong phép đối chiếu với các văn bản khác cùng đề tài, người viết thường kết hợp khéo léo thao tác so sánh với các thao tác khác như phân tích, chứng minh, bác bỏ…Tuy nhiên, khi sử dụng thao tác so sánh cũng cần tiết chế, thận trọng bởi nếu “tham” dễ khiến bài làm lan man không đúng trọng tâm, thiếu cô đọng.

- Liên hệ, mở rộng có thể triển khai trong cả ba phần mở - thân – kết. Tuy nhiên, thao tác so sánh trong liên hệ, mở rộng thường được sử dụng chủ yếu trong phần thân bài bởi đây là phần trung tâm bài viết, có chức năng làm rõ vấn đề nghị luận thông qua hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng rõ ràng, chi tiết.

**2.3.2. Các bước tiến hành**

Để sử dụng thao tác so sánh hiệu quả trong liên hệ, mở rộng trong nghị luận văn học, cần tiến hành theo **3 bước** cơ bản:

**Bước thứ nhất:** dẫn dắt, đề cập đến vấn đề được so sánh

**Bước thứ hai:** đưa ra những dữ liệu liên hệ

**Bước thứ ba**: bàn luận, tạo sự liên kết giữa ngữ liệu mở rộng và vấn đề đang nghị luận từ đó làm sâu sắc hơn vấn đề.

VD1: Nhận xét về tình yêu quê hương đất nước của Hoàng Phủ Ngọc Tường qua bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, bài viết này đã triển khai liên hệ, mở rộng như sau: *“Như vậy, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã đem tình yêu đằm thắm lắng sâu và những cảm xúc sôi nổi, say sưa vào những trang viết để mỗi dòng văn thành lời ca, khúc nhạc tâm hồn tôn vinh vẻ đẹp của sông Hương (1). Như I.Ê-ren-bua đã từng viết :* ***“Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào đại trường***[***giang Von-ga***](https://hocday.com/hi-ng-nhn-dn-tnh-an-giang-cng-ha-x-hi-ch-ngha-vit-nam.html)***, con sông Von-ga đi ra biển. Lòng yêu nhà, yêu gia đình, yêu miền quê trở thành tình yêu tổ quốc”****(2), tình cảm đối với sông Hương của Hoàng Phủ Ngọc Tường, xét đến cùng, là tình cảm đối với đất nước, là tấm lòng yêu mến quê hương xứ sở nồng cháy của nhà văn. Những trang văn kì diệu viết về sông Hương là điệu hồn, là khúc nhạc tâm tình ngọt ngào mà nhà văn dành riêng cho xứa sở mộng mơ – xứ Huế…(3)”*

🡪 Câu (1): dẫn dắt vấn đề so sánh: tình yêu của Hoàng Phủ Ngọc Tường với sông Hương.

Câu (2): đưa nhận định của T.Ê ren bua về mối quan hệ giữa tình yêu cảnh sắc thiên nhiên với tình yêu quê hương, đất nước *“Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào đại trường*[*giang Von-ga*](https://hocday.com/hi-ng-nhn-dn-tnh-an-giang-cng-ha-x-hi-ch-ngha-vit-nam.html)*, con sông Von-ga đi ra biển. Lòng yêu nhà, yêu gia đình, yêu miền quê trở thành tình yêu tổ quốc”*

Câu (3): bàn luận mở rộng để khẳng định Hoàng Phủ Ngọc Tường là người yêu quê hương, đất nước sâu sắc.

VD2:

*…Và cho đến tận bây giờ giọt nước mắt ấy lại chảy ra, phải chăng đó là dấu hiệu một tâm hồn, một sức sống đã hồi sinh thực sự(1).* ***Chi tiết này có lẽ Tô Hoài đã bắt gặp Nam Cao, bởi các nhân vật của Nam Cao cũng có những giọt nước mắt của sự bừng tỉnh: Hộ khóc, Chí Phèo khóc, Thứ khóc...****(2) Mị khóc, Mị đã hồi sinh để nhận ra bi kịch của cuộc đời mình. Còn gì đau đớn hơn thân phận làm dâu gạt nợ(3)? Còn có gì tê tái hơn kiếp sống của con trâu con ngựa trong bể khổ trần ai chỉ toàn là bóc lột, đày đọa?(4) Bằng ngòi bút nhân đạo thấm thía, Tô Hoài đã phơi bày hiện thực điêu tàn của những người lao động nghèo vùng núi cao Tây Bắc và lớn tiếng bênh vực quyền sống của những kẻ người đáng thương ấy.(5)*

🡪 Câu (1) : dẫn dắt vấn đề so sánh : giọt nước mắt hồi sinh.

Câu (2) : so sánh (tương đồng) với giọt nước mắt của Hộ, Thứ, Chí Phèo.

Câu (3), (4), (5) : bàn luận mở rộng và đưa ra nhận định về giá trị của chi tiết giọt nước mắt của Mị khi bị trói đứng trong đêm mùa xuân.Việc liên hệ, đối chiếu với giọt nước mắt của các nhân vật khác đã thấy được đặc điểm tương đồng trong cảm xúc của các nhân vật, cùng biểu hiện sự bừng ngộ bi kịch cuộc đời của chính mình ở họ.

1. **BÀI TẬP**

**Câu 1: Xác định thao tác lập luận so sánh được sử dụng trong văn bản sau:**

*[…] Một cô gái trẻ đẹp với bao khát vọng về cuộc sống hạnh phúc tươi sáng ở tương lai, nhưng bàn tay vô hình của số phận đưa Mị đi làm dâu gạt nợ cho nhà giàu - Mị như chết đứng với số phận từ đây. Tô Hoài phải thật sự am hiểu về phong tục tập quán của người dân miền núi mới có thể miêu tả tỉ mỉ tục bắt vợ. Đêm mùa xuân ấy, cũng là đêm cuối cùng Mị còn tự do với tình yêu trong sáng, cháy bỏng của mình. Và cũng là đêm bắt đầu cho những chuỗi ngày tăm tối như địa ngục trần gian của Mị tại nhà thống lí Pá Tra. Tác giả miêu tả rất tự nhiên vào một đêm khuya Mị nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hò hẹn của người yêu. Mị vừa hồi hộp lặng lẽ quơ tay lên để tìm bàn tay quen thuộc của người yêu. Khi nắm được vào bàn tay có đeo nhẫn ở đúng ngón tay mà người yêu Mị thường đeo thì tiếng gọi của tình yêu để cho Mị nhấc tấm vách gỗ bước ra với người yêu. Một hành động tưởng như viết ra thật đơn giản nhưng sao lại làm ta nhớ đến cái táo bạo trong tình yêu của cô Kiều trong trang thơ của Nguyễn Du xưa kia. Đang trong đêm mà “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” sang hẹn ước, thề nguyền với chàng Kim. Cái tài của cả Nguyễn Du và Tô Hoài không chỉ là để cho nhân vật của mình thể hiện khao khát tự do yêu đương mà để thấy sức sống mãnh liệt khi họ dám bước qua bao lễ giáo, hủ tục để đến với tình yêu. Phải chăng điều này cũng là một dự báo ban đầu của sức sống tiềm tàng để về sau người đọc không ngỡ ngàng trước những hành động đầy bứt phá của Mị trên con đường tự giải phóng bản thân. Nhưng thật không may, tưởng rằng được đến với tình yêu và hạnh phúc của mình cũng là lúc Mị rơi vào vực thẳm của số phận với bi kịch về làm dâu gạt nợ cho nhà giàu[…]*

Gợi ý trả lời:

Đoạn văn trên sử dụng thao tác lập luận so sánh:

- Đối tượng: hành động dỡ vách đi chơi với người yêu của Mị.

- Mục đích: diễn tả sự táo bạo trong tình yêu và phẩm chất tốt đẹp của Mị - người con gái H’Mông yêu tự do, khát khao hạnh phúc.

- Cách thức: trích dẫn câu thơ *“xăm xăm băng lối vườn khuya một mình”* trong Truyện Kiều – Nguyễn Du

🡪 Chỉ ra điểm giống nhau ở hai nhân vật là *Nguyễn Du và Tô Hoài không chỉ là để cho nhân vật của mình thể hiện* ***khao khát tự do yêu đương*** *mà để thấy sức sống mãnh liệt khi họ* ***dám bước qua bao lễ giáo, hủ tục để đến với tình yêu.***

Việc liên hệ, mở rộng với nhân vật Thúy Kiều và hành động chủ động đi tìm gặp người yêu để thề nguyền đính ước đã giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn nét tập quán của những người dân vùng Tây Bắc. Đặc biệt, là sự cởi mở, táo bạo trong tình yêu của Mị . Hành động ấy là biểu hiện cho niềm khát khao tình yêu, hạnh phúc lứa đôi luôn chảy trong huyết quản nàng. Điều đó là nguyên nhân khiến Mị kiên quyết không gả cho nhà giàu, sẵn sàng dùng sức lao động để có được tự do, hạnh phúc.

🡪 Văn bản sử dụng hình thức **so sánh tương đồng.**

**Câu 2: Viết đoạn văn liên hệ, mở rộng chi tiết *Mị uống rượu* trong đêm tình mùa xuân trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài, có sử dụng thao tác lập luận so sánh?**

**Gợi ý trả lời:**

Khi ngập mình trong hơi men nồng nàn, tha thiết, với tiếng sáo đang đang *«văng vẳng gọi bạn đầu làng »*, lòng Mị đang sống về ngày trước, hồi tưởng lại mùa xuân tươi đẹp thời con gái. Ngày ấy, Mị là người con gái xinh đẹp, tài hoa, yêu đời, chỉ cần một chiếc lá là “*Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo”.* Ngày ấy, Mị có “*biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị”*. Những hồi ức thanh xuân tươi đẹp ấy sống dậy cho thấy Mị đã bắt đầu thức tỉnh, Mị đã ý thức được về sự tồn tại, về cuộc đời của mình. Mị như ý thức được mình đang sống giữa hai thế giới: quá khứ và hiện tại; tỉnh và say; hạnh phúc và bi kịch. Sức sống mãnh liệt đang trỗi dậy trong tâm hồn Mị và khát vọng sống như ngọn lửa đã làm bừng sáng lại tâm hồn Mị. Nhà văn Tô Hoài ở đây thực sự đã chứng tỏ sự am hiểu về tâm lí, tính cách của người dân vùng cao Tây Bắc. Tâm lí của Mị không chỉ có lí trí của một người tỉnh táo mà còn phải có sự chếnh choáng trong hơi men nồng nàn của rượu, trong kí ức của tiếng sáo năm xưa. Cũng như tâm lí của nhân vật Chí Phèo đang chơi vơi giữa hai bờ say, tỉnh của Nam Cao khi xách dao đến nhà Bá Kiến để đòi lương thiện. Hành trình đến nhà Bá Kiến tới lúc dõng dạc đòi lương thiện cũng chính là hành trình Chí trở lại trạng thái hoàn toàn tỉnh táo để tìm lại kiếp sống của một con người. Tâm trạng lưỡng cực đầy tinh tế ấy của nhân vật *không phải người viết mà là thần viết.*Mị lúc này đang chìm đắm trong trạng thái nửa tỉnh nửa mơ. Vừa sống lại những nhận thức của một con người, Mị vừa ru mình trong tiếng nhạc rìu rặt dưới tác động của hơi men nồng nàn. Chuỗi hành động tiếp theo là sản phẩm của cả ý thức lẫn vô thức. Nên như một điều tất yếu, sức sống vừa mới trỗi dậy đã bị hiện thực chặt đứt đôi cánh ước mơ : A Sử trở về… »

- Đối tượng so sánh : trạng thái tâm lý của nhân vật dưới tác động của men rượu

- Mục đích : làm nổi bật sự trỗi dậy vừa có tính tự giác, lại vừa tự phát của sức sống sống tiềm tàng nơi Mị.

- Cách thức : so sánh với trạng thái tâm lý của Chí Phèo khi say rượu tới nhà Bá Kiến để thấy được điểm giống nhau trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật của hai nhà văn bậc thầy ; thấy được mạch tâm lý logic của những nhân vật sau quá trình hồi sinh tâm hồn.

**Câu 3 :Viết đoạn văn liên hệ, mở rộng phần giới thiệu nhân vật Thị trong tác phẩm Vợ nhặt – Kim Lân, có sử dụng thao tác lập luận so sánh?**

**Gợi ý trả lời :**

[…]Thân phận vợ nhặt của người đàn bà cho thấy trong nạn đói, giá trị con người trở nên thật rẻ rúng. Con người vốn được cả nhân loại đề cao, trân trọng *Người ta là hoa của đất*, hay phẩm giá của người phụ nữ từng rất được đề cao trong ca dao như:

*Ba trăm một mụ đàn bà*

*Mua về mà dải chiếu hoa cho ngồi*

Vậy mà không ai có thể ngờ, trong nạn đói giá trị con người lại trở nên bèo bọt đến mức không khác gì cái rơm, cái rác hay bất cứ thứ gì vô giá trị mà người ta có thể nhặt được ở bất cứ đâu nơi đầu đường, xó chợ. Thậm chí, trong tác phẩm người đàn bà chẳng những không có giá trị mà còn bị coi như một món nợ đời. Bởi vì trong nạn đói miếng ăn là vấn đề sinh mệnh, nhường miếng ăn chính là nhường mạng sống của mình cho người khác và không phải ai cũng dám bước qua để làm được điều đó. Người đàn bà trở thành người vợ do nhặt được mà có khiến sự thiêng liêng (vợ) bỗng chốc trở thành cái rẻ rúng (nhặt). Nhưng éo le thay cho thị, người nhặt thị về làm vợ chỉ là một gã trai nghèo xấu xí, ngố nghếch, dở hơi.

Nhà văn Kim Lân cũng từng nói *Khi viết về nạn đói người ta thường viết về sự khốn cùng, bi thảm. Khi viết về những người đói người ta chỉ nghĩ đến những con người nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà hướng đến cái sống, vẫn hi vọng tin tưởng ở tương lai.* Điều đó thể hiện rất rõ qua nhân vật người vợ nhặt. Hành động vòi ăn và theo không anh cu Tràng về làm vợ nhìn từ bề ngoài là hành động làm mất hết nữ tính, nhân phẩm, lòng tự trọng và khó chấp nhận được nhưng nhìn vào bản chất thì đó là biểu hiện của khát vọng sống, của mong muốn vượt qua được những ngày tháng đói khát. Thị theo Tràng không phải vì thì lẳng lơ mà vì hi vọng được sống. Muốn sống là một khát vọng chính đáng và mang tính nhân bản. Cho nên có thể nói, nhân vật người vợ nhặt mang vẻ đẹp khuất lấp là một sáng tạo nghệ thuật hấp dẫn của nhà văn Kim Lân.

GV kết hợp giải thích cho học sinh thao tác so sánh trong đoạn văn:

“Thân phận vợ nhặt của người đàn bà cho thấy trong nạn đói, giá trị con người trở nên thật rẻ rúng. Con người vốn được cả nhân loại đề cao, trân trọng *Người ta là hoa của đất*, hay phẩm giá của người phụ nữ từng rất được đề cao trong ca dao như:

*Ba trăm một mụ đàn bà*

*Mua về mà dải chiếu hoa cho ngồi*

Vậy mà không ai có thể ngờ, trong nạn đói giá trị con người lại trở nên bèo bọt đến mức không khác gì cái rơm, cái rác hay bất cứ thứ gì vô giá trị mà người ta có thể nhặt được ở bất cứ đâu nơi đầu đường, xó chợ […].

- Đối tượng: thân phận người phụ nữ

- Mục đích: nhấn mạnh sự rẻ rúng, tầm thường của người phụ nữ trong nạn đói năm 1945

- Cách thức: so sánh với thân phận cao quý của con người, trong đó có người phụ nữ qua các văn bản dân gian. Từ đó, nhấn mạnh hoàn cảnh bi đát của người phụ nữ nói riêng và người dân Việt Nam nói chung trong một giai đoạn đau thương của đất nước; giúp nhà văn gửi gắm ánh nhìn thấm đẫm tính nhân đạo của mình.

🡪 văn bản sử dụng **so sánh tương phản.**